

**MA TRẬN KỸ NĂNG NGÀNH TÂM LÝ HỌC**

(Ban hành theo Quyết định số 26.7./QĐ-SIU ngày 07. tháng 06 năm 2024  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tư thực Quốc tế Sài Gòn)

**1. Mức độ đáp ứng của mục tiêu chương trình đào tạo với mục tiêu giáo dục đại học, tầm nhìn, sứ mạng của trường.**

(Mức độ đáp ứng: Mức 1: Thấp; Mức 2: Trung bình; Mức 3: Cao)

Mục tiêu chương trình đào tạo	Mục tiêu Giáo dục đại học	Tầm nhìn của trường	Sứ mạng của trường
<b>PO1:</b> Sinh viên ngành Tâm lý học có kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, triết học, chính trị và pháp luật, ngoại ngữ và công nghệ thông tin, kiến thức nghề nghiệp vững vàng về các lý thuyết, kỹ năng, nguyên tắc đạo đức và quy trình tham vấn, trị liệu tâm lý cho các cá nhân và nhóm người trong cộng đồng;	3	3	3
<b>PO2:</b> Vận dụng kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, triết học, chính trị và pháp luật, ngoại ngữ và công nghệ thông tin; kiến thức chuyên môn cả về lý thuyết và thực hành trong quá trình nghiên cứu, khảo sát, thăm dò, tổ chức, triển khai và đánh giá các hoạt động tham vấn và trị liệu tâm lý cho các đối tượng có nhu cầu có giám sát;	3	3	3
<b>PO3:</b> Hình thành kỹ năng cá nhân và kỹ năng nghề nghiệp cần thiết để phát triển chuyên môn và có thể tiếp tục học ở trình độ cao hơn, đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động hỗ trợ sức khỏe tâm thần ở thời đại 4.0;	3	3	3
<b>PO4:</b> Hình thành thái độ làm việc chuyên nghiệp, phẩm chất cá nhân và phẩm	3	3	3

Mục tiêu chương trình đào tạo	Mục tiêu Giáo dục đại học	Tầm nhìn của trường	Sứ mạng của trường
chất nghề nghiệp cần thiết đối với lực lượng lao động trong lĩnh vực Tâm lý học tham vấn, trị liệu phù hợp với bối cảnh Việt Nam và tiêu chuẩn quốc tế; tuân thủ pháp luật, có trách nhiệm và đạo đức trong công việc, có tinh thần phục vụ cộng đồng, ham muốn học hỏi và học tập suốt đời.			

### ***Ghi chú***

#### ***1. Mục tiêu giáo dục (Luật giáo dục đại học)***

Mục tiêu giáo dục nhằm phát triển toàn diện con người Việt Nam có đạo đức, tri thức, văn hóa, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp; có phẩm chất, năng lực và ý thức công dân; có lòng yêu nước, tinh thần dân tộc, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; phát huy tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân; nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế.

#### ***2. Tầm nhìn của Trường***

Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn hướng đến là trường đại học quốc tế hàng đầu Việt Nam theo xu hướng giáo dục toàn cầu.

#### ***3. Sứ mạng của Trường***

Xây dựng môi trường giáo dục tiên phong, tôn trọng sự khác biệt và đa văn hóa, Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn đào tạo ra những lãnh đạo và công dân có ích cho xã hội, đẩy mạnh nghiên cứu gắn liền thực tiễn, rèn luyện năng lực chuyên môn và hun đúc những nguyên tắc đạo đức trong mỗi sinh viên.

### **2. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Mục tiêu của CTĐT	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo													
	Kiến thức					Kỹ năng					Mức tự chủ và trách nhiệm			
	PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PL O10	PL O11	PL O12	PL O13	PL O14
PO1	X	X	X							X	X			

PO2				X	X		X	X	X			X		
PO3						X	X	X	X	X	X	X		
PO4			X	X		X		X			X	X	X	X

**3. Ma trận đáp ứng giữa chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo so với yêu cầu giữa chuẩn đầu ra trong khung trình độ quốc gia**

Khung trình độ quốc gia		Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)
<b>Kiến thức</b>	Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo	PLO1, PLO2, PLO3
	Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật	PLO1
	Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc	PLO2
	Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể	PLO4, PLO5
	Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn	PLO4, PLO5
<b>Kỹ năng</b>	Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp	PLO6, PLO8
	Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác	PLO6, PLO8
	Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi	PLO6, PLO7, PLO8, PLO10
	Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm	PLO, PLO8
	Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyên tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp	PLO6, PLO7, PLO8

Khung trình độ quốc gia		Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)
	Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam	PLO10
<b>Mức tự chủ và trách nhiệm</b>	Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm	PLO13, PLO14
	Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm	PLO12, PLO13, PLO14
	Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân	PLO11, PLO12
	Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động	PLO12, PLO13

#### 4. Ma trận đáp ứng giữa các môn học và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

MÔN HỌC	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo													
	PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PL O10	PL O11	PL O12	PL O13	PL O14
<b>KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG</b>														
<b>Lý luận chính trị</b>														
1. Triết học Mác – Lênin/ Philosophy of Marxism and Leninism	I					I					I			
2. Kinh tế chính trị Mác – Lênin/ Political Economics of Marxism And Leninism	I					I					I			
3. Chủ nghĩa Xã hội khoa học/ Scientific Socialism	I					I					I			
4. Tư tưởng Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh Thought	I					I					I			
5. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam/ History of The Communist Party of Vietnam	I					I					I			
<b>Khoa học</b>														
<b>Bắt buộc</b>														
6. Pháp luật đại cương/ General	I					I					I			

MÔN HỌC	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo													
	PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PL O10	PL O11	PL O12	PL O13	PL O14
Laws														
7. Sinh lý học thần kinh cấp cao/ Advanced Neurophysiology			I			I					I			I
8. Tâm lý học đại cương/ General Psychology			I			I					I			I
9. Xã hội học đại cương/ Introduction to Sociology	I					I					I			I
Tự chọn (03 tín chỉ)														
10. Logic học đại cương/ Introduction to Logic	I					I					I			
11. Môi trường và phát triển/ Environment and Development	I					I					I			
12. Kinh tế học đại cương/ Introduction to Economics	I					I					I			
<b>Ngoại ngữ</b>														
13. English Proficiency 1		I						I		I	I			
14. English Proficiency 2		I				I		I		I	I			
15. English Proficiency 3		I						R		R	R			
<b>Tin học</b>														
16. Công cụ xử lý hình ảnh/ Image Processing Tools		R				R					R			
17. Công cụ quản lý dự án/ Project Management Tools		R				R					R			
18. Công cụ phân tích và trực quan dữ liệu/Data analytics and visualization tools		R				R					R			
<b>Văn hoá</b>														
Bắt buộc														
19. Viết luận Anh(*)/English Composition		R				R				R	R			
20. Cơ sở văn hóa Việt Nam/ Fundamentals of Vietnamese Culture	I					I					I			
Tự chọn (03 tín chỉ)														
21. Kỹ năng mềm/ Soft Skills	R					R							R	
22. Lịch sử văn minh thế giới/ History of World Civilization	I					I							I	
23. Tâm lý học xuyên văn hóa/ Cross-cultural Psychology	I					I							I	
<b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGÀNH</b>														

MÔN HỌC	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo													
	PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PL O10	PL O11	PL O12	PL O13	PL O14
<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>														
24. Tâm lý học thần kinh*/ Human Neuropsychology		R	R			R		R		R	R			R
25. Lịch sử Tâm lý học/ History of Psychology			R			R				R				R
26. Tâm lý học nhân cách / Personality Psychology			R		R			R		R	R			R
27. Tâm lý học nhận thức*/ Cognitive Psychology		R	R		R			R		R	R	R		R
28. Tâm lý học phát triển/ Developmental Psychology			R			R		R		R	R			R
29. Tâm lý học xã hội / Social Psychology			R			R		R		R	R			R
30. Phương pháp nghiên cứu Tâm lý học / Research Methods in Psychology			R			R		R		R	R			R
31. Phương pháp thống kê trong Tâm lý học/ Statistical Methods in Psychology			R			R		R		R	R			R
32. Tâm lý học gia đình/ Family Psychology			R			R		R		R	R			R
33. Thực tập 1/ Internship 1	R	R	R		R	R	R	R		R	R			R
34. Tâm lý học giới tính/ Psychology of Gender			R			R		R		R	R			R
35. Tâm lý học giao tiếp/ Psychology of Communication			R			R		R		R	R			R
36. Tâm lý học quản lý/ Management Psychology			R			R		R		R	R			R
37. Thực tập 2/ Internship 2	R	R	R		R	R	R	R		R				R
<b>Kiến thức chuyên ngành</b>														
Bắt buộc														
38. Đánh giá tâm lý/ Psychological Assessment				R,A	R,A		R,A					M		
39. Tâm bệnh học*/ Mental Health Studies		M		M		M					M	M		
40. Tâm lý học sức khỏe/ Health Psychology				M				M				M		
41. Kỹ năng tham vấn tâm lý/ Counseling skills				R,A	M			R,A	M			M		
42. Các tiếp cận tham vấn trị liệu tâm lý*/ Approaches to Counselling & Psychotherapy		M		M				M						M

MÔN HỌC	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo													
	PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PL O10	PL O11	PL O12	PL O13	PL O14
43. Tâm lý học lâm sàng / Clinical Psychology				R,A	M			M			M			M
Tự chọn (chọn 2 trong 4 môn)														
44. Tham vấn học đường/ School Counseling				M	M		M		M			M	M	
45. Tham vấn hướng nghiệp/ Career Counseling				M	M		M		M			M	M	
46. Đánh giá và can thiệp khó khăn hành vi, cảm xúc, xã hội/ Social, Emotional, and Behavioral Assessment and Intervention				M	M		M		M			M	M	
47. Đánh giá và can thiệp khó khăn nhận thức, học tập/ Assessment and Intervention for Cognitive and Learning Problems				M	M		M		M			M	M	
48. Đánh giá nhân cách/ Personality Assessment				M	M		M		M			M	M	
49. Lý luận và phương pháp dạy học tâm lý học/ Theories and Methods of Teaching Psychology				M				M						M
<b>Thực tập và khoá luận tốt nghiệp</b>														
50. Thực tập tốt nghiệp / Graduation Internship	I	R	M	M	M		M	M	M	M	M	M	M	M
51. Khoá luận tốt nghiệp / Graduation Thesis	M		M	M	M				M		M	M		M
<b>CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH, GIÁO DỤC THỂ CHẤT</b>														
Bắt buộc, không tích lũy														
52. Giáo dục quốc phòng và An ninh/ National Defense and Security Education	I						I				I			I
53. Giáo dục thể chất / Physical Education	I						I				I			

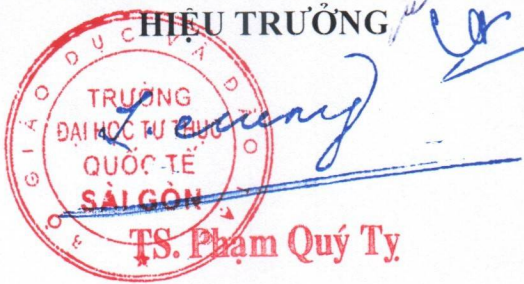
**Ghi chú:** Đánh giá mức độ đóng góp, hỗ trợ của các học phần vào việc đạt được các PLO theo một trong ba mức: **I** (Introduced), **R** ((Reinforced), **M** (Mastery):  
- **Mức I (Introduced):** Học phần có hỗ trợ đạt được PLO ở mức giới thiệu/bắt

đầu;

- **Mức R (Reinforced)**: Học phần có hỗ trợ đạt được PLO ở mức nâng cao hơn mức giới thiệu/bắt đầu. Ở học phần này, người học có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế ...;

- **Mức M (Mastery)**: Học phần hỗ trợ mạnh mẽ người học đạt được PLO ở mức thành thục/thành thạo;

**Học phần cốt lõi - A (Assessed)**: Học phần bắt buộc hỗ trợ tối đa việc đạt được các PLO. Đây là học phần có ý nghĩa tiên quyết đối với ngành đào tạo chính trong một chương trình, cần được thu thập dữ liệu để đo lường đánh giá mức người học đạt được PLO. Trong bảng ma trận, học phần cốt lõi được ký hiệu M,A hoặc R,A hoặc I,A.



P. TRƯỞNG KHOA

Hoàng Văn Việt